TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 8 - 2025
Về việc: *Tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Hữu Luynh**;

2. Bà **Nguyễn Thị Sinh**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân Khu vực 2 – Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa*: ông **Lê Minh Huy** - Kiểm Sát Viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc ***"Tranh chấp xin ly hôn"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐ-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quý Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: số nhà C đường X, thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quý Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1999. Đến ngày 13/7/2005, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143 quyển số 02/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà B thường xuyên xem thường, chửi bới, sỉ nhục ông trước mặt mọi người. Trong gia đình, ông không có quyền quyết định bất kỳ việc gì. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng nhiều lần sống ly thân. Lần ly thân cuối cùng bắt đầu từ cuối năm 2024, khi ông dọn ra sống riêng. Ông đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay không thể chịu đựng thêm nữa và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà B có một con chung tên là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/10/2001. Cháu N đã trưởng thành, có gia đình và cuộc sống riêng. Do đó, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà B có một căn nhà chung nhưng đã sang tên cho con. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông cũng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị B đều vắng mặt và không không cung cấp ý kiến về việc ông Đ xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà, Toà án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Quý Đ. Cho ông Đ và bà B ly hôn. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn ông Lê Quý Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị B. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Lê Quý Đ và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T ngày 13/7/2005. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ nhiều lần bỏ đi rồi lại trở về, hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi bà B có hành vi chửi bới, xúc phạm, thậm chí hành hung ông Đ, theo xác minh tại địa phương là do xuất phát từ việc ghen tuông giữa hai bên. Mặc dù ông đã cố gắng chịu đựng nhưng hiện tại không thể tiếp tục chung sống. Việc ông Đ dọn ra sống riêng từ cuối năm 2024 cho thấy tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, Tòa án đã ra thông báo hòa giải nhưng không thành do bà B vắng mặt. Điều này chứng tỏa mâu thuẫn giữa ông Đ và bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Lê Quý Đ là có cơ sở.

[2.2]. Về con chung: Ông Lê Quý Đ và bà Nguyễn Thị B có một con chung là Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/10/2001. Con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Quý Đ xác nhận đã tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Lê Quý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Quý Đ. Tuyên bố ông Lê Quý Đ và bà Nguyễn Thị B được ly hôn. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 13/7/2005 của UBND thị trấn T (nay thuộc xã Đ) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Quý Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003084 ngày 13/6/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương (Nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng), ông Lê Quý Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đơn Dương;
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đơn Dương;
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Ngân

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã Ka Đô;
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân